

Số: 1962/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP và Nghị định số 143/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Văn bản số 777/TTg-TCCV ngày 10 tháng 7 năm 2026 và Văn bản số 814/TTg-TCCV ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Công văn số 5054/BGDĐT-GDPT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Kết luận số 103-KL/TU ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 36;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2709/TTr-SGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Phương án; kịp thời cập nhật, tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tham mưu và triển khai thực hiện

Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp tổ chức triển khai thực hiện Phương án, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ Phương án được phê duyệt, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy trình, quy định, lộ trình và thời gian quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh; { (đề
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; { (báo cáo
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: Tổng hợp, Nội chính;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nguyệt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

**Sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và
giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Trong những năm qua, mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được sắp xếp lại cơ bản hợp lý, có quy mô khá phù hợp; cơ sở vật chất từng bước được đầu tư, củng cố và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn những cơ sở giáo dục phân tán, quy mô nhỏ lẻ, chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất chưa cao, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục.

Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện, đột phá và phát triển giáo dục và đào tạo; yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; cùng với sự biến động về quy mô dân số, học sinh, việc rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường học mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là yêu cầu cấp thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;
3. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;
4. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
5. Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
6. Nghị quyết 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

7. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

8. Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

9. Nghị quyết số 180/NQ-CP ngày 06/7/2026 của Chính phủ nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

III. VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH

1. Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

2. Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước;

3. Căn cứ Thông báo số 105-TB/VPCP ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

4. Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã; Thông báo số 408/TB-VPCP thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về tình hình triển khai sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp;

5. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 11/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Công văn số 59/CV-BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25-10-2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị”;

7. Công văn số 8150/BNV-TCBC ngày 18/9/2025 của Bộ Nội vụ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW;

8. Công văn số 6165/BGDDĐT-GDPT ngày 02/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

9. Kế hoạch số 1186/KH-BGDDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới và thực hiện thí điểm một số mô hình đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập;

10. Công văn số 4054/BGDDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy mạnh sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên công lập phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp;

11. Công văn số 4291/BGDDĐT-GDPT ngày 08/7/2026 về việc hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục theo Nghị quyết số 180/NQ-CP của Chính phủ;

12. Công văn số 4319/BGDDĐT-GDPT ngày 09/7/2026 về việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo theo Thông báo Kết luận số 105- TB/VPTW và Nghị quyết số 180/NQ-CP;

13. Văn bản số 1023-CV/VPTU ngày 13/7/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Văn bản số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

14. Thông báo Kết luận số 150-TB/TU ngày 15/7/2025 của Thường trực Tỉnh ủy;

15. Văn bản số 1068-CV/VPTU ngày 21/7/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Văn bản số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ;

16. Văn bản số 1131- CV/TU ngày 31/7/2026 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 408/TB/VPCP ngày 29/7/2026 của Văn phòng Chính phủ;

17. Văn bản số 7577/UBND-VX ngày 31/7/2026 của UBND tỉnh về việc giao khẩn trương hoàn thiện phương án sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập.

PHẦN THỨ HAI

THỰC TRẠNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP

1. Quy mô trường lớp toàn cấp học

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 652 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 591 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp, giảm 61 cơ sở giáo dục so với thời điểm 30/6/2025.

2. Quy mô trường lớp các cấp học

2.1. Quy mô các trường Mầm non

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 233 trường mầm non công lập. Trong đó, có 83 trường chưa đảm bảo quy mô theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-

BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chưa đạt số lớp tối thiểu 9 lớp).

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 189 trường mầm non công lập, sau thực hiện sắp xếp giai đoạn 1.

2.2. Quy mô các trường Tiểu học

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 220 trường tiểu học công lập. Trong đó có 45 trường có từ 02 điểm trường trở lên; có 20 trường chưa đảm bảo quy mô số lớp tối thiểu (10 lớp) quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 205 trường tiểu học công lập sau thực hiện sắp xếp giai đoạn 1.

2.3. Quy mô các trường Trung học cơ sở, trường liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 131 trường THCS và 17 trường liên cấp TH&THCS công lập; có 01 trường chưa đảm bảo quy mô số lớp tối thiểu (8 lớp) quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 128 trường THCS và 20 trường TH&THCS công lập sau thực hiện sắp xếp giai đoạn 1.

2.4. Quy mô các trường Trung học phổ thông:

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 38 trường THPT công lập (trong đó có 02 trường chuyên biệt: THPT Chuyên Hà Tĩnh, THCS&THPT Dân tộc nội trú). Có 01 trường chưa đảm bảo quy mô số lớp tối thiểu (15 lớp) theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 37 trường THPT công lập (trong đó có 02 trường chuyên biệt: THPT Chuyên Hà Tĩnh, THCS&THPT Dân tộc nội trú) và 01 trường liên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

2.5. Giáo dục thường xuyên:

- Giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015, đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp thành “Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên”; đến năm học 2016 - 2017 đã thực hiện đổi tên thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; kết quả sau sắp xếp, giảm từ 24 Trung tâm xuống còn 12 Trung tâm; chuyển Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tỉnh thành trung tâm GDTX tỉnh; từ năm 2017 đến nay, đã thực hiện sắp xếp giảm tiếp 04 đơn vị.

- Thời điểm 30/6/2025: Toàn tỉnh có 9 Trung tâm GDNN-GDTX và 01 Trung tâm GDTX tỉnh.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 8 Trung tâm GDNN-GDTX và 01 Trung tâm GDTX tỉnh.

2.6. Giáo dục nghề nghiệp (không tính trường Cao đẳng)

- Thời điểm 30/6/2025: trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có 03 trường Trung cấp công lập: Trung cấp nghề Hà Tĩnh, Trung cấp nghề Lý Tự Trọng, Trung cấp nghề

Kỹ nghệ Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó 03/03 đơn vị trường là đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên 100%.

- Thời điểm 30/6/2026: Toàn tỉnh có 2 trường Trung cấp, đã thực hiện sáp nhập giảm 01 trường Trung cấp.

*** Về cơ cấu ngành nghề đào tạo:**

Các Trường trung cấp đào tạo các nhóm ngành nghề về Kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ du lịch, lái xe ô tô. Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh đào tạo 33 nghề; trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng đào tạo 23 nghề; trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ đào tạo 10 nghề; trong đó 2 trường nằm ở phía bắc Hà Tĩnh, 1 trường nằm ở trung tâm và phía Nam Hà Tĩnh.

*** Về quy mô tuyển sinh đào tạo:** Năm học 2025 – 2026, các trường trung cấp có 263 lớp với 9.230 học sinh.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Đến thời điểm 01/7/2026, toàn tỉnh có số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, Trung tâm giáo dục thường xuyên công lập là: 21.365 người, trong đó có 1.540 CBQL, 18.341 giáo viên, 1.484 nhân viên.

- Đối với bậc học mầm non: có 5.664 người, trong đó: 610 CBQL, 4801 giáo viên, 253 nhân viên;

- Đối với bậc học Tiểu học: có 6729 người, trong đó: 477 CBQL, 5738 giáo viên, 514 nhân viên;

- Đối với bậc học THCS và Trường TH&THCS: có 5508 người, trong đó: 300 CBQL, 4694 giáo viên, 514 nhân viên;

- Đối với bậc học THPT: có 2.933 người, trong đó: 122 CBQL, 2651 giáo viên, 160 nhân viên;

- Đối với các Trung tâm GDTX: có 198 người, trong đó: 25 CBQL, 142 giáo viên, 31 nhân viên;

- Trường trung cấp nghề: 333 người (91 biên chế, lao động hợp đồng là 243 người). Trong đó: 6 CBQL, 315 giáo viên, hợp đồng, 12 nhân viên.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Mầm non đạt chuẩn trở lên đạt 99,6%, trên chuẩn 69,5%; Tiểu học đạt chuẩn trở lên đạt 99,26%, trên chuẩn 0,7%; Trung học cơ sở đạt chuẩn trở lên đạt 99,51%, trên chuẩn 2,15%; THPT đạt chuẩn trở lên đạt 100%, trên chuẩn 22%; GDTX đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 10%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

- Cơ sở vật chất trường học trong những năm qua tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng kiên cố, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Toàn tỉnh có 10.684 phòng học (mầm non có 3.018 phòng, tiểu học có 4.143 phòng, THCS có 2.482 phòng, THPT có 1.041 phòng); số phòng học hiện có của từng cấp học đảm bảo tối thiểu 01 phòng/lớp. Trong đó, số phòng học kiên cố 10.318 phòng (tỷ lệ 96,6%); số phòng học bộ môn có 2.256 phòng, số phòng phục vụ học tập là 3.003 phòng.

- Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh là 88,28%, trong đó: Mầm non: 85,89%; Tiểu học: 88,2%; THCS: 92,6%; THPT: 76,3% . Quan tâm xây dựng hệ sinh thái giáo dục, khu trải nghiệm trong trường học. Thiết bị dạy học mua sắm theo hướng hiện đại; 100% các lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018 có tivi/máy chiếu, bảng trượt tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên khai thác, sử dụng học liệu điện tử.

IV. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Kết quả đạt được

- Trong thời gian qua, mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từng bước được rà soát, sắp xếp theo hướng tinh gọn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của địa phương. Hệ thống trường, lớp được phân bố cơ bản hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; công tác quy hoạch, sắp xếp gắn với việc thực hiện các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các địa phương đã tích cực triển khai sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ, giảm đầu mối quản lý, giảm điểm trường lẻ, từng bước hình thành các cơ sở giáo dục có quy mô phù hợp. Việc sắp xếp đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục được giữ vững và có nhiều chuyển biến tích cực nhất là chất lượng mũi nhọn; công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được duy trì ở mức cao, tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

2. Một số tồn tại, hạn chế

a) Về mạng lưới cơ sở giáo dục

- Mặc dù đã được sắp xếp, tuy nhiên mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số bất cập. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp nhiều xã, phường có số trường có quy mô nhỏ, số lớp ít hoặc có nhiều điểm trường, làm phân tán nguồn lực, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, sử dụng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất.

- Việc tổ chức mạng lưới trường học giữa các địa phương chưa thật sự đồng đều; quy mô trường, lớp ở một số nơi chưa phù hợp với định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.

b) Về các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định; còn thiếu phòng học bộ môn, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học và các hạng mục phục vụ hoạt động giáo dục. Nguồn lực đầu tư còn phân tán do

số lượng đầu mỗi trường học còn nhiều, trong khi nhu cầu đầu tư để đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ngày càng lớn.

- Đội ngũ giáo viên tuy cơ bản đáp ứng yêu cầu nhưng vẫn còn tình trạng thiếu giáo viên ở một số cấp học, môn học; thừa, thiếu cục bộ; việc điều tiết, bố trí đội ngũ giữa các địa phương còn khó khăn.

- Hà Tĩnh là địa bàn có nhiều xã có nhiều điểm trường, điều kiện kinh tế - xã hội giữa các vùng còn chênh lệch, ảnh hưởng đến việc tổ chức mạng lưới trường học theo hướng tinh gọn.

PHẦN THỨ BA

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC VÀ ĐỊNH HƯỚNG SẮP XẾP

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Việc sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập phải quán triệt đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và chiến lược phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

- Phương án được xây dựng trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, sự quản lý thống nhất của chính quyền các cấp; phát huy vai trò chủ động của địa phương trong tổ chức thực hiện; bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, khoa học, khách quan và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn.

- Việc sắp xếp không nhằm mục tiêu giảm số lượng cơ sở giáo dục một cách cơ học, mà hướng đến xây dựng mạng lưới các cơ sở giáo dục có quy mô hợp lý, quản trị hiệu quả, tinh giản đầu mối, đội ngũ quản lý, nhân viên hành chính, tăng cường đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy, sử dụng tối ưu đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực đầu tư; đồng thời bảo đảm quyền học tập của học sinh, tạo điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển bền vững.

- Đối với những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, việc sắp xếp phải được xem xét trên cơ sở điều kiện văn hoá, địa lý, giao thông, dân cư, khoảng cách đi học và khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của học sinh; không vì mục tiêu giảm đầu mối mà ảnh hưởng đến quyền học tập và sự ổn định của Nhân dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới quản trị nhà trường, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất và các nguồn lực đầu tư; gắn sắp xếp với tinh gọn đầu mối quản lý, cơ cấu lại đội ngũ, “giảm biên chế quản lý giáo dục, tăng biên chế trực tiếp giảng dạy”; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức rà soát toàn diện mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm hoàn thành theo tiến độ do Thủ tướng Chính phủ và tỉnh giao.

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ, phân tán, chưa phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư theo hướng cơ bản mỗi xã có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở hoặc 01 trường có nhiều cấp học (tiểu học và trung học cơ sở); trường hợp các địa bàn có tính đặc thù, vùng đặc biệt khó khăn thì xem xét sắp xếp phù hợp có thể tỷ lệ giảm đầu mỗi thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh nhưng không thấp hơn 30%.

- Việc xác định phương án cụ thể phải căn cứ điều kiện thực tiễn từng xã, phường và các cơ sở giáo dục, không thực hiện sắp xếp cơ học. Bảo đảm quyền học tập của học sinh; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học.

III. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Việc rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập phải thực hiện đúng chủ trương của Trung ương, quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Việc sắp xếp phải được nghiên cứu trên phạm vi địa bàn toàn xã, phường và trong tổng thể mạng lưới cơ sở giáo dục của địa phương; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy hoạch phát triển, quy mô dân số, điều kiện địa lý, giao thông và định hướng phát triển lâu dài; không xem xét riêng lẻ từng cơ sở giáo dục.

3. Không sắp xếp theo hướng cơ học hoặc chỉ nhằm giảm đầu mỗi. Phương án sắp xếp phải lấy chất lượng giáo dục, quyền học tập của học sinh, hiệu quả quản trị, sử dụng đội ngũ, cơ sở vật chất và tài sản công làm mục tiêu; sau sắp xếp cơ sở giáo dục phải có quy mô phù hợp, hoạt động ổn định và có điều kiện phát triển bền vững; cơ bản giữ nguyên các trường trước sắp xếp làm các điểm trường sau sắp xếp đảm bảo không ảnh hưởng đến việc đi lại và học tập của học sinh.

4. Việc sắp xếp phải phù hợp với đặc điểm từng cấp học, loại hình cơ sở giáo dục và điều kiện của từng địa bàn; ưu tiên xem xét khoảng cách đi học, điều kiện giao thông và khả năng tổ chức dạy học; không làm ảnh hưởng đến công tác huy động trẻ đến trường, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

5. Gắn việc sắp xếp với đổi mới quản trị nhà trường, tinh gọn đầu mối quản lý, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất và đẩy mạnh chuyển đổi số; hạn chế thấp nhất tác động đến hoạt động dạy học, bảo đảm các cơ sở giáo dục sau sắp xếp đủ điều kiện ổn định hoạt động ngay.

6. Không sáp nhập trường mầm non với trường phổ thông; không sáp nhập trường phổ thông với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; không sắp xếp trường chuyên biệt với trường phổ thông đại trà. Ưu tiên tổ chức lại các cơ sở giáo dục cùng cấp học có vị trí địa lý gần nhau và có điều kiện phát triển ổn định.

7. Quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phải bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên, phụ huynh và Nhân dân; thường xuyên kiểm tra, đánh giá và kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp.

IV. TIÊU CHÍ SẮP XẾP

1. Tiêu chí chung

- Căn cứ quy mô số lớp tối đa quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 11/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông để quy định số lớp tối thiểu cho mỗi trường học.

- Khuyến khích sắp xếp các trường có quy mô lớn. Sau sắp xếp cơ bản mỗi xã, phường có 01 trường học/mỗi cấp học. Trường hợp các xã, phường có số lớp, số trường quy mô quá lớn hoặc địa bàn vùng khó khăn thì xem xét sắp xếp nhiều hơn 01 trường/mỗi cấp học.

2. Tiêu chí cụ thể

2.1. Đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS, TH&THCS

a. Đối với trường mầm non:

Đảm bảo trường mầm non có 30 lớp, trường hợp có số lớp nhiều hơn trên 50% trở lên thì xem xét thành lập 2 trường.

b. Đối với trường tiểu học

Đảm bảo trường tiểu học có 40 lớp, trường hợp có số lớp nhiều hơn trên 50% trở lên thì xem xét sắp xếp thành 2 trường.

c. Đối với trường THCS và trường TH&THCS:

- Đảm bảo trường trung học cơ sở hoặc trường TH&THCS có 45 lớp, trường hợp có số lớp nhiều hơn trên 50% trở lên thì xem xét sắp xếp thành 2 trường;

- Đối với các xã có trường TH&THCS nếu sắp xếp các trường học cùng cấp có vị trí liền kề, thuận lợi thì thực hiện sắp xếp lại theo hướng ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp học.

2.2. Đối với trường trung học phổ thông

- Sắp xếp một số trường trung học phổ thông có quy mô nhỏ để thành các trường có quy mô lớn hoặc những trường có vị trí, khoảng cách gần nhau, trường hợp không sắp xếp được cùng cấp thì sắp xếp thành các trường liên cấp THCS&THPT.

- Đối với các trường THCS&THPT nếu sắp xếp các trường học cùng cấp có vị trí liền kề, thuận lợi thì thực hiện sắp xếp lại theo hướng ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp học.

2.3. Đối với các Trung tâm GDTX và Trung tâm GDNN-GDTX

Tổ chức rà soát, sắp xếp để đảm bảo khắc phục tình trạng phân tán, trùng lắp, đối với một số Trung tâm GDNN-GDTX, đảm bảo giảm tối thiểu 50% đầu mỗi so với thời điểm 30/6/2025.

2.4. Đối với trường trung cấp

Tổ chức rà soát, sắp xếp các trường có cùng địa bàn tuyển sinh, quy mô nhỏ; ưu tiên giữ nguyên các trường trung cấp đã đảm bảo tự chủ 100% về kinh phí chi thường xuyên và đang hoạt động hiệu quả.

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

Phương án dưới đây được xác định trên cơ sở hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục tại thời điểm 30/6/2025 (trước khi triển khai sắp xếp), đồng thời kế thừa kết quả đã thực hiện trong giai đoạn 1 đến ngày 30/6/2026.

1. Đối với các trường mầm non: Sắp xếp 233 trường mầm non thành 82 trường mầm non, giảm 151 trường mầm non (tỉ lệ giảm 64,81%).

2. Đối với các trường tiểu học: Sắp xếp 220 trường tiểu học thành 92 trường tiểu học, giảm 128 trường tiểu học (tỉ lệ giảm 58,18%).

3. Đối với các trường THCS và trường TH&THCS:

Sắp xếp 148 trường THCS và Trường TH&THCS thành 74 trường THCS và trường TH&THCS, giảm 74 trường (giảm 50,0%).

(Có phụ lục I sắp xếp kèm theo)

4. Đối với các trường THPT:

- Sáp nhập Trường THPT Vũ Quang với Trường THCS&THPT Cù Huy Cận;
- Sáp nhập Trường THPT Lý Chính Thắng với Trường THCS Nguyễn Khắc Viện;
- Sáp nhập Trường THPT Đức Thọ và Trường THCS Đồng Lạng;
- Sáp nhập Trường THPT Phan Đình Phùng với Trường THPT Thành Sen;
- Sáp nhập Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi với Trường THPT Nguyễn Đồng Chi.

Sau sắp xếp còn 32 trường THPT, giảm 6 trường THPT (tỉ lệ giảm 15,79%); tăng 3 trường THCS-THPT.

(Có phụ lục II sắp xếp kèm theo)

5. Đối với các Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX:

- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Vũ Quang với Trung tâm GDNN-GDTX Hương Khê (đã thực hiện từ tháng 8/2025);
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Xuyên với Trung tâm GDNN-GDTX Kỳ Anh;
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Can Lộc và Trung tâm GDNN-GDTX Thạch Hà (trừ điểm Lộc Hà) với Trung tâm GDTX tỉnh;
- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Đức Thọ và Trung tâm GDNN-GDTX Hương Sơn;

- Sáp nhập cơ sở Lộc Hà của Trung tâm GDNN-GDTX Thạch Hà với Trung tâm GDNN-GDTX Nghi Xuân;

(Có phụ lục III sắp xếp kèm theo)

6. Đối với các trường trung cấp

Thực hiện sắp xếp sáp nhập Trường Trung cấp nghề Lý Tự Trọng với Trường Trung cấp Kỹ nghệ thành trường Trung cấp Kỹ nghệ Lý Tự Trọng. Đổi tên và sắp xếp, cơ cấu tổ chức bên trong Trường Trung cấp Hà Tĩnh (đã thực hiện trước ngày 30/6/2026).

5. Kết quả sau rà soát, sắp xếp:

5.1 Về mạng lưới cơ sở giáo dục

Sau khi sắp xếp các cơ sở giáo dục, toàn tỉnh còn **290 trường**. Trong đó:

- Trường Mầm non: 82 trường, đã giảm 151 trường, tỷ lệ giảm 64.81%;
- Trường Tiểu học: 92 trường, đã giảm 128 trường, tỷ lệ giảm 58.18%;
- Trường THCS và Trường TH&THCS: 74 trường, đã giảm 74 trường, tỷ lệ giảm 50%;
- Trường THPT: còn 32 trường, giảm 6 trường, tỷ lệ giảm 15.79%;
- Trường THCS&THPT: 3 trường.
- Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX: 5 trung tâm, giảm 5 trung tâm, tỷ lệ giảm 50%;
- Trường Trung cấp: 02 trường, giảm 01 trường. Tỷ lệ giảm 33,33%.

Số trường đã **giảm 362 trường, tỷ lệ giảm chung 55.52%**.

(Có phụ lục IV chi tiết kèm theo)

5.2. Về cán bộ quản lý, nhân viên

a. Số cán bộ quản lý và nhân viên hiện có:

- **Cấp Mầm non**
 - + Cán bộ quản lý: 610 người
 - + Nhân viên: 253 người (kế toán 215; văn thư 32; thiết bị thư viện 6)
- **Cấp Tiểu học**
 - + Cán bộ quản lý: 477 người
 - + Nhân viên: 514 người (kế toán 208; văn thư 71; thư viện 205, thiết bị 30)
- **Cấp Trung học cơ sở, Tiểu học-Trung học cơ sở**
 - + Cán bộ quản lý: 300 người
 - + Nhân viên: 514 người (kế toán 145; văn thư 115; thư viện 132, thiết bị 122)
- **Cấp Trung học phổ thông:**
 - + Cán bộ quản lý: 122 người
 - + Nhân viên: 160 người (kế toán 37; văn thư 40 ; thư viện: 37, thiết bị 43, thủ quỹ, giáo vụ: 3)
- **Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX:**
 - + Cán bộ quản lý: 25 người

+ Nhân viên: 31 người (kế toán 9; văn thư 9; thư viện, thiết bị 13)

b. Số CBQL, nhân viên dự kiến bố trí

- *Cấp Mầm non:*

+ Cán bộ quản lý: 315 người.

+ Nhân viên: 244 người (kế toán: 82; văn thư: 162; thư viện).

- *Cấp Tiểu học:*

+ Cán bộ quản lý: 312 người.

+ Nhân viên: 492 người (kế toán: 93; văn thư: 179; thư viện: 220).

- *Cấp THCS, TH&THCS:*

+ Cán bộ quản lý: 222 người.

+ Nhân viên: 503 người (kế toán: 74; văn thư: 133; thư viện: 148; thiết bị: 148).

- *Cấp THPT:*

+ Cán bộ quản lý: 116 người.

+ Nhân viên: 158 người (kế toán: 35; văn thư: 40; thư viện, thiết bị: 83).

- *Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX:*

+ Cán bộ quản lý: 13 người

+ Nhân viên: 20 người (kế toán 5; văn thư 5; thư viện, thiết bị 10).

c. Số CBQL, nhân viên dự kiến dôi dư

Sau sắp xếp dự kiến cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư là: 611 người

- *Cấp Mầm non:*

+ Cán bộ quản lý: 295 người.

+ Nhân viên: 9 người.

- *Cấp Tiểu học:*

+ Cán bộ quản lý: 165 người.

+ Nhân viên: 22 người.

- *Cấp THCS, TH&THCS:*

+ Cán bộ quản lý: 78 người.

+ Nhân viên: 11 người.

- *Cấp THPT:*

+ Cán bộ quản lý: 6 người.

+ Nhân viên: 2 người.

- *Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX:*

+ Cán bộ quản lý: 12 người

+ Nhân viên: 11 người.

(Có phụ lục V chi tiết kèm theo)

VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Đối với các trường thực hiện sáp nhập: căn cứ hiện trạng cơ sở vật chất, điều kiện tổ chức dạy học và vị trí địa lý để lựa chọn cơ sở phù hợp làm điểm trường chính; các cơ sở còn lại tiếp tục được sử dụng làm điểm trường hoặc bố trí phục vụ các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm bảo đảm ổn định việc giảng dạy và học tập của học sinh.

- Tăng cường đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh

chuyển đổi số trong quản lý, quản trị, điều hành nhà trường trên nền tảng số dùng chung để tạo sự đồng bộ, giảm tối đa sự chênh lệch về điều kiện cơ sở vật chất giữa các trường, điểm trường.

- Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có; tiếp tục rà soát đầu tư sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập các cơ sở giáo dục để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Việc sắp xếp, điều chỉnh học sinh giữa các điểm trường được thực hiện theo lộ trình phù hợp, bảo đảm điều kiện học tập, đi lại của học sinh và yêu cầu tổ chức dạy học theo quy định; chỉ thực hiện dồn điểm trường, dồn học sinh khi bảo đảm đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ, an toàn trường học và phù hợp tình hình thực tiễn địa phương và được sự đồng thuận của phụ huynh, học sinh.

- Việc quản lý, sử dụng, bàn giao, tiếp nhận, điều chuyển hoặc xử lý cơ sở vật chất, tài sản sau sắp xếp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định có liên quan.

VII. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Các xã, phường, đơn vị căn cứ các quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền thực hiện việc bố trí cán bộ quản lý, nhân viên, trong các cơ sở giáo dục sau sắp xếp theo hướng dẫn.

1. Đối với cán bộ quản lý

Bố trí những người có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý giỏi và có tinh thần trách nhiệm cao làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của các trường sau sáp nhập; điều chuyển làm cán bộ quản lý đối với các trường trên địa bàn xã, phường còn thiếu; đề xuất điều chuyển đến các xã, phường, đơn vị còn thiếu cán bộ quản lý; điều chuyển, biệt phái đến các phòng văn hóa xã hội đang thiếu nhân sự phụ trách công tác giáo dục (nếu còn biên chế). Đối với cán bộ quản lý dôi dư có nguyện vọng nghỉ chế độ thì xem xét giải quyết theo quy định. Số còn lại bố trí làm giáo viên trực tiếp giảng dạy theo chuyên môn phù hợp.

2. Đối với nhân viên (kế toán, thủ quỹ, văn thư, nhân viên thư viện, thiết bị):

Căn cứ hướng dẫn định biên số lượng nhân viên giao các trường để thực hiện bố trí công việc theo đề án vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, trình độ chuyên môn và năng lực công tác theo chỉ tiêu biên chế được giao;

Chuyển đổi vị trí việc làm sang các vị trí công tác khác tại địa phương nếu có nhu cầu và còn chỉ tiêu biên chế. Bố trí làm giáo viên trực tiếp giảng dạy nếu đáp ứng yêu cầu chuyên môn;

- Trường hợp không thể bố trí được vị trí việc làm phù hợp và bản thân có nguyện vọng thì giải quyết chế độ nghỉ thôi việc hoặc tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

3. Đối với giáo viên

Các trường sau sắp xếp tiếp nhận nguyên trạng đội ngũ giáo viên của các cơ sở giáo dục trước sắp xếp.

Thực hiện rà soát điều động, chuyển chuyển, để bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên dạy giữa các cơ sở giáo dục, các điểm trường, khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ trên cùng địa bàn.

Thực hiện việc điều động, chuyển chuyển giáo viên từ địa phương này sang địa phương khác để giải quyết tình trạng thừa thiếu giáo viên trên cơ sở chỉ tiêu biên chế được giao.

4. Giải quyết chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên dôi dư

Thực hiện chế độ bảo lưu phụ cấp đối với cán bộ đang giữ chức vụ bố trí vào vị trí chức vụ thấp hơn hoặc không tiếp tục giữ chức vụ theo quy định.

Đối với trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP; đối với trường hợp nghỉ thôi việc thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

VIII. LỘ TRÌNH

- Xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hoàn thành trước **ngày 04/8/2026**.

- UBND các xã, phường xây dựng, phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc UBND cấp xã quản lý hoàn thành trước **ngày 20/8/2026**;

- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành trước **ngày 20/8/2026**.

- Triển khai đồng bộ công tác sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành sáp nhập các đơn vị, thiết lập mạng lưới trường lớp phù hợp; hoàn thiện bộ máy để vận hành ngay từ đầu năm học 2026-2027 hoàn thành trước **ngày 20/8/2026**.

2. Kinh phí

Kinh phí thực hiện Phương án sắp xếp được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn vốn hợp pháp khác, thực hiện theo quy định hiện hành.

IX. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG ÁN

1. Ưu điểm, thuận lợi

- Việc sắp xếp mạng lưới trường học góp phần tinh gọn đầu mối quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; sử dụng hiệu quả hơn cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và nguồn lực ngân sách. Học sinh được học tập trong các cơ sở giáo dục có quy mô phù hợp, điều kiện dạy học từng bước được cải thiện, tạo thuận lợi cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phụ huynh từng bước yên tâm hơn về môi trường học tập, chất lượng giáo dục của con em khi hệ thống trường lớp được quy hoạch ổn định, lâu dài.

- Đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, việc sắp xếp giúp bố trí lại đội ngũ hợp lý hơn, khắc phục tình trạng thiếu – thừa cục bộ; giảm cán bộ quản lý, tăng giáo viên; nâng cao năng lực quản trị và chất lượng giảng dạy, phục vụ.

- Cơ bản sau khi sắp xếp, học sinh vẫn học tại các điểm trường cũ, không ảnh hưởng đến khoảng cách đi lại, học tập của học sinh và phụ huynh nên sẽ tạo được sự đồng thuận của học sinh và phụ huynh.

2. Khó khăn

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, việc sắp xếp trường học có thể dẫn đến thay đổi chức danh nghề nghiệp, vị trí công tác, tăng quy mô quản lý, ảnh hưởng nhất định đến tâm lý và điều kiện sinh hoạt. Đồng thời đòi hỏi cán bộ quản lý, nhân viên, đặt ra yêu cầu cao hơn trong công tác lựa chọn, bố trí nhân sự, cân đối nhân sự, biên chế và tổ chức hoạt động dạy học.

PHẦN THỨ TƯ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện việc tổ chức triển khai thực hiện Phương án sắp xếp; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra UBND cấp xã việc xây dựng và triển khai thực hiện phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cơ quan truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và Nhân dân.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các xã, phường hướng dẫn bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sau sắp xếp; bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, liên tục, không làm ảnh hưởng đến việc dạy học.

- Chịu trách nhiệm thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường THPT, Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX công lập trực thuộc Sở theo phương án đã phê duyệt;

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu UBND tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cập nhật, tổng hợp kết quả thực hiện Phương án hằng tuần, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước thứ 6 hằng tuần; đồng thời thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thường trực Tỉnh ủy

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện bố trí cán bộ quản lý, công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bị ảnh hưởng do sắp xếp, sáp nhập.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn UBND cấp xã triển khai phương án sắp xếp cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ tại các địa phương và cơ sở giáo dục sau sắp xếp.

- Phối hợp hướng dẫn các nội dung liên quan đến việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với viên chức, nhân viên, người lao động chịu tác động của việc sắp xếp, việc bảo lưu phụ cấp lãnh đạo quản lý cơ sở giáo dục.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng, bàn giao tài sản, kinh phí và các nguồn lực tài chính của các cơ sở giáo dục trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Phương án theo quy định của pháp luật; căn cứ các quy định hiện hành và trên cơ sở thực tiễn, nghiên cứu, xem xét đề xuất chính sách liên quan đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi, hoặc nghỉ thôi việc do không thể bố trí công tác sau sắp xếp, ngoài các chế độ của Trung ương; tham mưu bố trí nguồn lực để giải quyết chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên bị ảnh hưởng do sắp xếp theo quy định.

4. Sở Xây dựng

Hướng dẫn UBND các xã, phường thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch chi tiết và các nội dung liên quan đến đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục sau sắp xếp theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát quỹ đất; hướng dẫn việc bổ sung, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và hoàn thiện các thủ tục về đất đai đối với các cơ sở giáo dục sau sắp xếp theo quy định.

6. Các sở, ban, ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các xã, phường trong việc hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, giải quyết các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý; bảo đảm việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục được thực hiện đồng bộ, đúng quy định.

7. Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và kết quả thực hiện việc sắp xếp các cơ sở giáo dục; tạo sự thống nhất trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và Nhân dân.

8. Công an tỉnh

- Chủ động nắm chắc tình hình; bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình triển khai thực hiện Phương án sắp xếp.

- Phối hợp hướng dẫn thực hiện việc thu hồi con dấu cũ, đăng ký và khắc con dấu mới đối với các đơn vị sau sắp xếp, bảo đảm hoạt động liên tục, không gián đoạn.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về việc tổ chức rà soát, xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý theo đúng chủ trương của Trung ương,

quy định của pháp luật, chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức rà soát toàn diện hiện trạng mạng lưới các cơ sở giáo dục; quy mô trường, lớp, học sinh; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị, quỹ đất và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; trên cơ sở đó xây dựng Đề án sắp xếp bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn, khả thi, hiệu quả và đúng tiến độ.

- Quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền theo quy định; chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ sau sắp xếp, bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, liên tục, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của học sinh và công tác giảng dạy của giáo viên.

- Xây dựng phương án bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với vị trí việc làm và quy mô của từng cơ sở giáo dục sau sắp xếp; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư theo quy định của pháp luật.

- Rà soát hiện trạng điểm trường chính và các điểm trường; xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học; bố trí, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có giữa trường chính và các điểm trường, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học sau sắp xếp.

- Chỉ đạo thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận về tổ chức bộ máy, nhân sự, hồ sơ, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung có liên quan theo đúng quy định; bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ngay sau khi thực hiện sắp xếp.

- Chủ động làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền; tạo sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và Nhân dân; kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, nội dung Đề án và kết quả thực hiện; hoàn thành các nhiệm vụ theo đúng tiến độ UBND tỉnh giao.

10. Các cơ sở giáo dục, đào tạo

- Chủ động rà soát, đánh giá thực trạng quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ xây dựng và triển khai đề án sắp xếp, sáp nhập.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý giáo dục và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về mục đích, yêu cầu, lộ trình thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập cơ sở giáo dục; tạo sự thống nhất, đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ động xây dựng phương án tổ chức dạy học, bố trí lớp học, phân công đội ngũ phù hợp sau sắp xếp; bảo đảm hoạt động giáo dục diễn ra liên tục, ổn

định, an toàn, hiệu quả; không làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục và quyền học tập của học sinh.

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các nguồn lực hiện có; đề xuất nhu cầu sửa chữa, nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục sau sắp xếp.

- Triển khai bàn giao hồ sơ, tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự và các nội dung có liên quan khi thực hiện sáp nhập, giải thể theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ, không để thất thoát tài sản nhà nước.

11. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tạo sự đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện Phương án sắp xếp của tỉnh và các Đề án của UBND cấp xã, của cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh; tham gia giám sát việc thực hiện tại địa phương và cơ sở giáo dục./.

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN QUY MÔ MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CẤP XÃ TỈNH HÀ TĨNH SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&T HCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
1	P.Thành Sen	92,245	28.21	29	514	11	103	11	232	7	179	10	3	4	3
2	P.Trần Phú	39,261	29.50	11	173	4	40	4	82	3	51	4	1	2	1
3	P.Hà Huy Tập	29,697	32.66	8	142	3	40	3	65	2	37	4	1	2	1
4	Xã Cẩm Bình	25,634	33.14	10	147	4	39	4	61	2	47	4	1	2	1
5	Xã Thạch Lạc	17,898	27.60	7	92	3	29	3	47	1	16	3	1	1	1
6	Xã Đồng Tiến	18,838	33.57	7	114	3	29	2	31	2	54	3	1	1	1
7	Xã Thạch Khê	17,817	46.32	8	98	3	27	3	41	2	30	3	1	1	1
8	P.Sông Trí	37,558	69.90	10	241	4	56	4	118	2	67	6	2	3	1
9	P.Hải Ninh	20,796	39.37	8	137	3	31	2	53	3	53	3	1	1	1
10	P.Vũng Áng	29,045	82.98	7	166	2	34	3	76	2	56	4	1	2	1
11	P.Hoành Sơn	21,955	70.48	7	136	3	38	2	55	2	43	3	1	1	1
12	Xã Kỳ Hoa	16,673	73.28	5	118	2	30	1	34	2	54	3	1	1	1
13	Xã Kỳ Xuân	23,922	72.94	8	152	3	45	3	66	2	41	4	1	2	1
14	Xã Kỳ Anh	33,050	64.74	11	204	4	58	4	93	3	53	5	2	2	1
15	Xã Kỳ Khang	24,185	48.85	9	165	3	47	4	71	2	47	5	2	2	1
16	Xã Kỳ Văn	17,828	135.33	7	113	3	33	1	20	3	60	3	1	1	1
17	Xã Kỳ Lạc	13,050	169.13	5	89	2	27	1	25	2	37	3	1	1	1
18	Xã Kỳ Thượng	16,116	218.82	6	104	2	28	2	46	2	30	3	1	1	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&T HCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
19	Xã Sơn Kim 1	5,792	223.21	3	32	1	11	1	0	1	21	2	1	0	1
20	Xã Sơn Kim 2	5,159	208.59	2	22	1	9	1	13	0	0	2	1	1	0
21	Xã Sơn Tây	14,752	129.21	6	88	2	25	2	34	2	29	3	1	1	1
22	Xã Sơn Hồng	8,433	209.04	4	56	2	20	0	0	2	36	2	1	0	1
23	Xã Sơn Giang	18,953	86.31	7	89	3	28	3	43	1	18	3	1	1	1
24	Xã Hương Sơn	31,571	32.62	12	167	5	45	5	74	2	48	4	1	2	1
25	Xã Kim Hoa	19,081	88.28	8	112	3	34	3	46	2	32	3	1	1	1
26	Xã Tứ Mỹ	19,992	38.67	12	97	5	28	5	40	2	29	3	1	1	1
27	Xã Sơn Tiến	20,859	80.97	8	103	3	27	2	32	3	44	3	1	1	1
28	Xã Vũ Quang	14,964	533.49	13	123	6	33	4	21	3	69	3	1	0	2
29	Xã Thượng Đức	10,088	58.32	7	44	3	15	3	20	1	9	2	1	0	1
30	Xã Mai Hoa	11,052	45.85	8	69	3	22	3	21	2	26	3	1	1	1
31	Xã Cẩm Xuyên	34,251	82.99	9	173	3	38	3	60	3	75	4	1	1	2
32	Xã Cẩm Hưng	22,232	103.80	9	118	3	31	3	52	3	35	3	1	1	1
33	Xã Cẩm Lạc	19,666	115.86	8	104	3	26	3	37	2	41	3	1	1	1
34	Xã Cẩm Trung	19,784	32.72	7	114	3	34	3	57	1	23	3	1	1	1
35	Xã Yên Hòa	17,882	38.27	6	89	2	25	2	38	2	26	3	1	1	1
36	Xã Thiên Cẩm	33,396	40.55	11	166	4	39	4	76	3	51	4	1	2	1
37	Xã Cẩm Duệ	24,137	193.58	7	110	3	32	3	56	1	22	3	1	1	1
38	P.Bắc Hồng Lĩnh	29,213	35.20	11	149	4	38	4	67	3	44	4	1	2	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&T HCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
39	P.Nam Hồng Lĩnh	22,234	36.47	7	121	3	34	1	26	3	61	3	1	1	1
40	Xã Hương Khê	31,123	165.90	10	189	4	42	4	60	2	87	4	1	1	2
41	Xã Hương Phố	18,511	135.68	8	92	3	25	3	40	2	27	3	1	1	1
42	Xã Hương Đô	14,226	140.80	7	73	3	23	3	36	1	14	3	1	1	1
43	Xã Phúc Trạch	18,230	201.42	8	112	3	30	3	48	2	34	3	1	1	1
44	Xã Hương Xuân	16,627	263.12	7	88	3	25	3	45	1	18	3	1	1	1
45	Xã Hương Bình	17,633	215.60	8	93	3	25	3	40	2	28	3	1	1	1
46	Xã Hà Linh	12,636	140.43	6	72	2	18	2	32	2	22	3	1	1	1
47	Xã Nghi Xuân	38,059	77.65	13	202	5	55	4	84	4	63	5	2	2	1
48	Xã Tiên Điền	25,196	31.60	11	148	4	37	4	58	3	53	3	1	1	1
49	Xã Cổ Đạm	35,171	62.67	9	195	3	57	4	92	2	46	5	2	2	1
50	Xã Đan Hải	28,293	37.77	10	146	4	41	4	65	2	40	4	1	2	1
51	Xã Can Lộc	41,937	65.70	10	237	3	59	4	103	3	75	6	2	2	2
52	Xã Tùng Lộc	21,170	37.49	6	110	2	29	2	46	2	35	3	1	1	1
53	Xã Xuân Lộc	25,647	33.08	9	147	3	36	3	66	3	45	4	1	2	1
54	Xã Đồng Lộc	27,902	70.55	10	169	4	49	4	72	2	48	5	2	2	1
55	Xã Gia Hanh	28,909	45.39	9	168	3	44	3	75	3	49	4	1	2	1
56	Xã Trường Lưu	23,695	49.92	8	111	3	32	3	46	2	33	3	1	1	1
57	Xã Đức Đồng	11,520	47.29	7	52	3	16	3	24	1	12	3	1	1	1
58	Xã Đức Thọ	40,034	48.93	15	205	6	52	6	91	3	62	5	2	2	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&T HCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
59	Xã Đức Thịnh	41,225	53.39	20	221	8	57	8	97	4	67	5	2	2	1
60	Xã Đức Quang	17,497	30.31	9	79	4	22	4	40	1	17	3	1	1	1
61	Xã Đức Minh	18,814	23.57	7	81	3	24	3	38	1	19	3	1	1	1
62	Xã Hồng Lộc	17,208	33.78	5	79	2	22	2	35	1	22	3	1	1	1
63	Xã Lộc Hà	40,955	35.63	11	218	4	55	4	99	3	64	5	2	2	1
64	Xã Mai Phụ	29,968	31.93	9	141	4	41	4	70	1	30	4	1	2	1
65	Xã Đông Kinh	21,112	27.56	7	100	3	32	3	47	1	21	3	1	1	1
66	Xã Việt Xuyên	17,151	32.10	9	106	4	25	2	39	3	42	3	1	1	1
67	Xã Thạch Hà	31,307	31.18	10	185	4	50	4	80	2	55	5	2	2	1
68	Xã Toàn Lưu	19,151	60.65	9	107	4	32	4	52	1	23	3	1	1	1
69	Xã Thạch Xuân	16,101	72.53	6	86	2	23	2	35	2	28	3	1	1	1
Tổng		1,646,067	5,994.45	601	9,063	233	2,406	220	3,784	148	2,873	248	82	92	74

Phụ lục II
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)				Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
1	THPT Kỳ Anh	44	1,958	1	THPT Kỳ Anh	44	1958	
2	THPT Lê Quảng Chí	30	1,361	2	THPT Lê Quảng Chí	30	1361	
3	THPT Nguyễn Huệ	41	1,719	3	THPT Nguyễn Huệ	41	1719	
4	THPT Nguyễn Thị Bích Châu	28	1,196	4	THPT Nguyễn Thị Bích Châu	28	1196	
5	THPT Kỳ Lâm	23	941	5	THPT Kỳ Lâm	23	941	
6	THPT Cẩm Xuyên	35	1,349	6	THPT Cẩm Xuyên	35	1349	
7	THPT Cẩm Bình	40	1,513	7	THPT Cẩm Bình	40	1513	
8	THPT Hà Huy Tập	35	1,422	8	THPT Hà Huy Tập	35	1422	
9	THPT Nguyễn Đình Liễn	22	904	9	THPT Nguyễn Đình Liễn	22	904	
10	THPT Phan Đình Phùng	39	1,729	10	THPT	67	2723	
11	THPT Thành Sen	28	994					
12	THPT Chuyên Hà Tĩnh	38	1,320	11	THPT Chuyên Hà Tĩnh	38	1320	
13	THPT Lý Tự Trọng	39	1,598	12	THPT Lý Tự Trọng	39	1598	
14	THPT Nguyễn Trung Thiên	34	1,307	13	THPT Nguyễn Trung Thiên	34	1307	
15	THPT Lê Quý Đôn	35	1,332	14	THPT Lê Quý Đôn	35	1332	
16	THPT Nguyễn Văn Trỗi	33	1,305	15	THPT	57	2,146	
18	THPT Nguyễn Đồng Chi	24	841					

Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)				Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
17	THPT Mai Thúc Loan	36	1,454	16	THPT Mai Thúc Loan	36	1,454	
19	THPT Can Lộc	29	1,128	17	THPT Can Lộc	29	1,128	
20	THPT Đồng Lộc	37	1,507	18	THPT Đồng Lộc	37	1,507	
21	THPT Nghèn	36	1,534	19	THPT Nghèn	36	1,534	
22	THPT Hương Khê	45	1,865	20	THPT Hương Khê	45	1,865	
23	THPT Hàm Nghi	24	897	21	THPT Hàm Nghi	24	897	
24	THPT Phúc Trạch	19	732	22	THPT Phúc Trạch	19	732	
25	THPT Vũ Quang	17	546	23	THPT	33	1,075	
26	THPT Cù Huy Cận	16	529					
27	THPT Hương Sơn	34	1,325	24	THPT Hương Sơn	34	1,325	
28	THPT Lê Hữu Trác	22	798	25	THPT Lê Hữu Trác	22	798	
29	THPT Lý Chính Thắng	17	568	26	THCS&THPT	32	1,124	Nhập với THCS Nguyễn Khắc Viện (15 lớp, 556 HS)
30	THPT Cao Thắng	25	1,017	27	THPT Cao Thắng	25	1,017	
31	THPT Đức Thọ	14	460	28	THCS&THPT	26	966	Nhập với THCS Đồng Lạng (12 lớp, 506 HS)
32	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	34	1,243	29	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	34	1,243	
33	THPT Trần Phú	34	1,323	30	THPT Trần Phú	34	1,323	
34	THPT Hồng Lĩnh	39	1,373	31	THPT Hồng Lĩnh	39	1,373	
35	THPT Nguyễn Du	34	1,253	32	THPT Nguyễn Du	34	1,253	

Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)				Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
36	THPT Nguyễn Công Trứ	23	840	33	THPT Nguyễn Công Trứ	23	840	
37	THPT Nghi Xuân	29	1,015	34	THPT Nghi Xuân	29	1,015	
38	THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh	7	146	35	THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh	7	146	
Tổng		1,139	44,342			1,168	45,484	

Phụ lục III**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TRUNG TÂM GDNN-GDTX TỈNH HÀ TĨNH SAU SẮP XẾP***(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)				Dự kiến sau sắp xếp (từ 01/9/2026)				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
1	GDTX tỉnh Hà Tĩnh	4	116	1	GDNN-GDTX ...	25	901	Lộc Hà 15 lớp 618, Thạch Hà 8 lớp 251
4	GDNN-GDTX Thạch Hà (Cơ sở Thạch Hà cũ)	23	869					
5	GDNN-GDTX Can Lộc	13	534					
2	GDNN-GDTX Kỳ Anh	13	545	2	GDNN-GDTX	23	958	
3	GDNN-GDTX Cẩm Xuyên	10	413					
6	GDNN-GDTX Hương Khê	13	521	3	GDNN-GDTX ...	18	689	
7	GDNN-GDTX Vũ Quang	5	168					
8	GDNN-GDTX Hương Sơn	15	624	4	GDNN-GDTX	26	1,092	
9	GDNN-GDTX Đức Thọ	11	468					
10	GDNN-GDTX Nghi Xuân	17	689	5	GDNN-GDTX	32	1,307	Nhập với cơ sở Lộc Hà của GDNN-GDTX Thạch Hà
Tổng		124	4,947	Tổng		124	4,947	

Phụ lục IV

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Đối tượng/Khối công tác	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)	Dự kiến bố trí sau sắp xếp (từ 01/9/2026)	Dôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
I	Khối xã, phường				
1	<i>Các trường Mầm non</i>	863	559	304	
-	<i>Cán bộ quản lý</i>	610	315	295	
	- Hiệu trưởng	189	82	107	
	- Phó Hiệu trưởng	421	233	188	
-	<i>Nhân viên</i>	253	244	9	
	- Kế toán	215	82	133	
	- Văn thư, thủ quỹ	32	162	-130	
	- Thiết bị, thư viện	6	0	6	
2	<i>Các trường Tiểu học</i>	991	804	187	
-	<i>Cán bộ quản lý</i>	477	312	165	
	- Hiệu trưởng	206	92	114	
	- Phó Hiệu trưởng	271	220	51	
-	<i>Nhân viên</i>	514	492	22	
	- Kế toán	208	93	115	
	- Văn thư, thủ quỹ	71	179	-108	
	- Thư viện	205	220	-15	
	- Thiết bị...	30	0	30	

TT	Đối tượng/Khối công tác	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)	Dự kiến bố trí sau sắp xếp (từ 01/9/2026)	Dôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
3	<i>Các trường THCS, TH&THCS</i>	814	725	89	
-	<i>Cán bộ quản lý</i>	300	222	78	
	- Hiệu trưởng	148	74	74	
	- Phó Hiệu trưởng	152	148	4	
-	<i>Nhân viên</i>	514	503	11	
	- Kế toán	145	74	71	
	- Văn thư, thủ quỹ	115	133	-18	
	- Thư viện	132	148	-16	
	- Thiết bị	122	148	-26	
II	Trường THPT	282	274	8	
1	<i>Cán bộ quản lý</i>	122	116	6	
	- Hiệu trưởng	37	35	2	
	- Phó Hiệu trưởng	85	81	4	
2	<i>Nhân viên</i>	160	158	2	
	- Kế toán	37	35	2	
	- Văn thư, thủ quỹ	40	40	0	
	- Thiết bị, thư viện	83	83	0	
III	Khối GDNN-GDTX	56	33	23	
1	<i>Cán bộ quản lý</i>	25	13	12	
	- Giám đốc	8	5	3	
	- Phó Giám đốc	17	8	9	
2	<i>Nhân viên</i>	31	20	11	

TT	Đối tượng/Khối công tác	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)	Dự kiến bố trí sau sắp xếp (từ 01/9/2026)	Đôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
	- Kế toán	9	5	4	
	- Văn thư, thủ quỹ	9	5	4	
	- Thiết bị, thư viện	13	10	3	
	Tổng CBQL, nhân viên	3,006	2,395	611	
	<i>Tổng Số CBQL</i>	1,534	978	556	
	- Hiệu trưởng	588	288	300	
	- Hiệu phó	946	690	256	
	<i>Số nhân viên</i>	1,472	1,417	55	